

Bản án số: 25/2024/DS-PT

Ngày: 22-7-2024

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Thẩm phán: + Ông Huỳnh Trọng Cảnh.

+ Bà Trương Thị Đào Vi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 15/2024/TLPT-DS ngày 04/6/2024 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2024/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số F kiết A đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 (Không có yêu cầu phản tố). Địa chỉ: Số A đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn là bà Phan Thị Thanh T.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người làm chứng bà Thái Thị T1, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Thùy N; Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày:

Giữa bà Phan Thị Thanh T2 và bà Nguyễn Thị P có mối quan hệ thông gia nên bà Phan Thị Thanh T sử dụng tiền riêng của cá nhân để cho cá nhân bà Nguyễn Thị P vay, mượn 05 lần và số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 25/6/2014 cho bà Nguyễn Thị P vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Khi giao tiền bà Phan Thị Thanh T có lấy lại 2.000.000 đồng tiền lãi, trong thời hạn 02 tháng.
- Ngày 26/6/2014 tôi có cho bà P vay 35.000.000 đồng.
- Ngày 25/7/2014 tôi có cho bà P vay 40.000.000 đồng.
- Ngày 25/9/2014 tôi có cho bà P vay 40.000.000 đồng.
- Ngày 05/10/2014 tôi có cho bà P vay 20.000.000 đồng.

Tổng cộng 165.000.000 đồng.

Trong 05 lần vay, mượn tiền thì bà Nguyễn Thị P có viết giấy nợ, giấy mượn tiền. Mục đích bà Phan Thị Thanh T2 cho bà Nguyễn Thị P vay là để giúp cho người con rể bà Nguyễn Thị P điều trị tai nạn tại bệnh viện và 2 bên thoả thuận trả tiền lãi theo quy định của Ngân hàng.

Quá trình vay bà Nguyễn Thị P đã trả cho bà Phan Thị Thanh T tổng số tiền 60.000.000 đồng, còn lại 105.000.000 đồng chưa trả. Khi bà Nguyễn Thị P qua nước Lào làm ăn, không trả nợ thì bà Phan Thị Thanh T cũng qua nước Lào để đòi lại tiền. Tại đây bà Nguyễn Thị P đã viết Giấy xác nhận; 2 bên cam kết bà Nguyễn Thị P1 trả góp cho bà Phan Thị Thanh T.

Vì vậy, bà Phan Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị P phải trả số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Đối với số tiền còn lại 5.000.000 đồng thì bà Phan Thị Thanh T chưa yêu cầu giải quyết.

Đối với việc bà Nguyễn Thị P cho rằng bà Phan Thị Thanh T đã viết dòng chữ *Kết thúc nợ! Hết với bà chị P. Vô T: Không liên quan nữa!* thì bà Phan Thị Thanh T không đồng ý vì do tin tưởng bà Nguyễn Thị P, khi bà Nguyễn Thị P2 nói với bà Phan Thị Thanh T rằng viết giấy xong sẽ chuyển tiền, nhưng bà Nguyễn Thị P không chuyển tiền; viết giấy xác nhận hết nợ là để đưa cho cho chồng bà Nguyễn Thị P biết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai ngày 21/02/2024, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị P3 trình bày:*

- Bà Nguyễn Thị P thừa nhận có vay của bà Phan Thị Thanh T nhiều lần với tổng số tiền 2 bên xác nhận là 165.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị P nhiều lần trả góp với số tiền 60.000.000 đồng. Số tiền còn nợ là 105.000.000 đồng, mục đích vay là để sử dụng cho cá nhân.

- Ngày 29/10/2015, giữa bà Phan Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị P chốt số nợ còn lại 105.000.000 đồng: 2 bên thoả thuận bà Nguyễn Thị P trả góp vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn thì bà Phan Thị Thanh T2 đồng ý. Sau đó, bà Nguyễn Thị P đi làm ăn xa và gửi tiền về thông qua em gái là bà Nguyễn Thị B và con đẻ là chị Nguyễn Thị Thùy N1 để trả tiền cho bà Phan Thị Thanh T trong nhiều năm tổng số tiền 113.000.000 đồng.

- Đến ngày 08/11/2022 thì các bên đã kết thúc nợ và bà Phan Thị Thanh T đã viết *Kết thúc nợ ! Hết với bà chị P, Vô T: Không liên quan nữa !*. Vì vậy, bà Nguyễn Thị P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T.

*Tại bản tự khai ngày 21/02/2024, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị Thùy N trình bày:* Bà Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị Thùy N xác nhận mình là người được bà Nguyễn Thị P nhờ trả tiền giúp cho bà Phan Thị Thanh T. Quá trình lấy tiền thì bà Phan Thị Thanh T là người tự viết giấy đã nhận tiền từ bà Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị Thùy N; cũng chính bà Phan Thị Thanh T2 là người đã xác nhận *Kết thúc nợ ! Hết với bà chị P. Vô T: Không liên quan nữa !*. Vì vậy, bà Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị Thùy N đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị P; đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2024 bà Thái Thị T1 trình bày:* Bà Thái Thị T1 có mối quan hệ là chị dâu của bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị B; có biết bà Phan Thị Thanh T vì bà Phan Thị Thanh T đến lấy tiền từ bà Nguyễn Thị B. Bà Thái Thị T1 xác nhận có ký chữ ký trong *Văn bản ngày 08/11/2022 và ghi tên "chị B"* trong thời gian khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/11/2022 để làm chứng việc bà Phan Thị Thanh T nhận tiền từ bà Nguyễn Thị B 10.000.000 đồng; xác nhận sự việc bà Nguyễn Thị P không còn nợ bà Phan Thị Thanh T nữa. Vì vậy, bà Thái Thị T1 đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị P; đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Huế phát biểu quan điểm như sau:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 105, 166 Bộ Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T về việc buộc bà Nguyễn Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả lại cho bà Phan Thị Thanh T số tiền 100,000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã nhận định và tuyên xử:***

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 105, 166, 192, 193 và khoản 1 Điều 206 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị P phải trả lại số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo luật định.

Ngày 23/4/2024, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T có đơn kháng cáo không chấp nhận bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm Hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Bà T không có tài liệu, chứng cứ gửi kèm theo đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo; không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các trình tự, thủ tục của phiên tòa phúc thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm không có tài liệu, chứng cứ mới để xem xét đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Phan Thị Thanh T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, để tuyên không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm. Đối với án phí dân sự phúc thẩm thì nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 271 và Điều 272, trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nên đủ điều kiện để đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị P cư trú tại địa chỉ Số A đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, là có căn cứ pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Phan Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị P đều thừa nhận có sự việc vay, mượn tiền nhiều lần với tổng số 165.000.000 đồng (bà T cho bà P vay đều với tư cách cá nhân); các bên đều thừa nhận bà Nguyễn Thị P đã thanh toán được 60.000.000 đồng, còn lại 105.000.000 đồng thông qua Giấy xác nhận ngày 29/10/2015; văn bản ngày 07/9/2016 của Công ty L và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế gửi cho bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Việt K.

Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ mà bà Nguyễn Thị P cung cấp; thông qua bà Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị Thùy N thì bà Nguyễn Thị P đã thanh toán cho bà Phan Thị Thanh T từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 11 năm 2022 số tiền 113.000.000 đồng. Cụ thể: Năm 2015 số tiền 40.000.000 đồng, năm 2016 số tiền 10.000.000 đồng, năm 2017 số tiền 3.000.000 đồng, năm 2018 số tiền 9.000.000 đồng, năm 2019 số tiền 15.000.000 đồng, năm 2020 số tiền 12.000.000 đồng, năm 2021 số tiền 12.000.000 đồng, năm 2022 số tiền 12.000.000 đồng (Bút lục từ số 28 đến 78 và từ số 82 đến 85).

Tất cả các giấy xác nhận này đều ghi rõ thời gian, số tiền mà bà Phan Thị Thanh T nhận từ bà Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị Thùy N và đều có chữ ký của bà Phan Thị Thanh T. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định lời khai của bà Nguyễn Thị P phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Thùy N, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận lời khai của bà Nguyễn Thị P là có căn cứ.

Đối với Văn bản ngày 08/11/2022, nhằm ngày 15/10 Âm lịch (Bút lục số 84), Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Phan Thị Thanh T có nhận từ bà Nguyễn Thị B số tiền 10.000.000 đồng, bà Phan Thị Thanh T thừa nhận đây là chữ viết và chữ ký của mình. Đối với dòng chữ *Kết thúc nợ ! Hết với bà chị P. Vô T: Không liên*

*quan nữa!* cũng do bà Phan Thị Thanh T tự viết. Mặc dù cuối dòng chữ này bà Phan Thị Thanh T không ký, ghi rõ họ tên; nhưng có tên của bà Nguyễn Thị B là người trả nợ giúp cho bà Nguyễn Thị P; có bà Thái Thị T1 là người ký tên và ghi chữ "chị B" để làm chứng cho việc kết thúc nợ giữa bà Phan Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị P4. Tại thời điểm bà Phan Thị Thanh T viết dòng chữ *Kết thúc nợ! Hết với bà chị P. Vô T: Không liên quan nữa!* thì bà Phan Thị Thanh T là người có năng lực hành vi dân sự và đã thực hiện quyền định đoạt đối với tài sản thuộc sở hữu riêng của mình theo quy định tại các Điều 192, 193 và khoản 1 Điều 206 Bộ luật Dân sự.

Đối chiếu giữa số tiền mà bà Nguyễn Thị P còn nợ bà Phan Thị Thanh T 105.000.000 đồng và số tiền mà bà Phan Thị Thanh T đã nhận được 113.000.000 đồng nên ngày 08/11/2022 bà Phan Thị Thanh T viết *Kết thúc nợ! Hết với bà chị P. Vô T: Không liên quan nữa!* cũng là phù hợp với ý chí của các bên đương sự.

Đối với lời khai của bà Phan Thị Thanh T cho rằng do tin tưởng bà Nguyễn Thị P nên viết *Kết thúc nợ! Hết với bà chị P. Vô T: Không liên quan nữa!*, nhưng không ký, ghi họ tên để bà Nguyễn Thị P1 đưa cho chồng là ông Nguyễn Việt K1 biết và sẽ chuyển tiền sau; nhưng thực tế bà Nguyễn Thị P không chuyển tiền. Lời khai này của bà Phan Thị Thanh T không được bà Nguyễn Thị P chấp nhận. Ngoài lời khai này ra thì bà Phan Thị Thanh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thêm nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Thanh T.

Quá trình nghị án tại cấp sơ thẩm, bà Phan Thị Thanh T cung cấp bổ sung bản chính viết tay Giấy xác nhận ngày 29/10/2015. Theo bà Phan Thị Thanh T thì toàn bộ nội dung trong Giấy xác nhận này đều do bà Nguyễn Thị P tự viết ra; nhưng bà Nguyễn Thị P chỉ thừa nhận bà Nguyễn Thị P viết từ đầu cho đến dòng cuối "*buôn bán*" có chữ ký của bà Nguyễn Thị P. Còn dòng chữ "*Còn 65 triệu trả dần sau*" thì bà Nguyễn Thị P không thừa nhận đó là dòng chữ do mình viết, không có chữ ký xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị P cho rằng có cung cấp cho Tòa án bản phô tô Giấy xác nhận ngày 29/10/2015 (Bút lục 81) được phô tô từ bản gốc do bà Phan Thị Thanh T giữ nên dòng cuối cùng của Giấy xác nhận nợ là do người khác ghi vào mà bà Nguyễn Thị P không biết. Qua lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có được, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên đương sự đều thừa nhận thời gian lập Giấy xác nhận nợ ngày 29/10/2015 xảy ra trước thời điểm bà Phan Thị Thanh T viết *Kết thúc nợ! Hết với bà chị P. Vô T: Không liên quan nữa!* nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của bà Phan Thị Thanh T. Trường hợp bà Phan Thị Thanh T có căn cứ chứng minh ngoài số tiền 100.000.000 đồng mà bà Phan Thị Thanh T đang khởi kiện bà Nguyễn Thị P5 thì bà Nguyễn Thị P vẫn còn nợ một khoản tiền khác 65.000.000 đồng thì bà Phan Thị Thanh T vẫn có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này vì vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm đối với khoản tiền 65.000.000 đồng là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã tuyên xử: “Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị P phải trả lại số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)”, là có căn cứ pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số F kiệt A đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 (Không có yêu cầu phản tố). Địa chỉ: Số A đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Phan Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003911 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự;  
Phòng KTNV & THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Trần Ngọc Tú**